

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số 353/2020/TLST-HNGĐ ngày 03/7/2020 về việc “Tranh chấp ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần H, sinh năm 1980

Bị đơn: Ông Nguyễn DH, sinh năm 1970

Cùng hộ khẩu thường trú: P516 NTB, phường B, Quận 1, Thành phố HCM.

Cùng tạm trú: Số A , KDC HL, Khu phố 5, phường H, Quận 7, Thành phố HCM.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà Trần H và ông Nguyễn DH sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần H và ông Nguyễn DH thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyền số 01/2004 do Ủy ban nhân dân phường M, Quận Đ, Thành phố HN cấp ngày 27/5/2004 không còn giá trị pháp lý).

Về con chung: Bà Trần H và ông Nguyễn DH xác nhận có 02 (hai) người con chung là Nguyễn MH (nữ), sinh ngày 09/3/2005 và Nguyễn DHg (nam), sinh ngày 07/9/2007.

Các đương sự thống nhất thỏa thuận: Bà Trần H đồng ý để ông Nguyễn DH trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) người con chung là Nguyễn MH (nữ), sinh ngày 09/3/2005 và Nguyễn DHg (nam), sinh ngày 07/9/2007. Bà Trần H không cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần H được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Cả hai đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Cả hai đương sự xác nhận không có.

Án phí dân sự sơ thẩm giải quyết vụ án: Bà Trần H tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu số AA/2018/0032721 ngày 03/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn trả cho bà Trần H 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND Q.7, TPHCM;
- C/c THA DS Q.7, TPHCM;
- C/q thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ (TK.Thúy).

THẨM PHÁN

Trương Như Thủy